

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

2. Ông Lý Đạt Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **366/2022/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2022 về việc: “Xin ly hôn, tranh chấp về con chung”** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 176/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1982 (Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Tây Bình C, xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0963082070

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Kim G, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Trung Phú 3, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0564129307

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày: Anh Phan Văn T với chị Nguyễn Kim G chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 12/4/2010. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Phan Minh B, sinh ngày 14/6/2005 và Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 15/5/2007. Nhưng đến tháng 6/2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng có cự cãi nhỏ nhưng chị G giận dữ và bỏ nhà đi làm ăn xa không chịu quay về, vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Nguyễn Kim G. Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Phan Minh B, sinh ngày 14/6/2005 và Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 15/5/2007 (hiện 02 con đang sống với cha). Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi các con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Kim G: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Kim G nhưng chị G đã vắng mặt không lý do nên không có lời khai của chị G.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh T, chị G tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thể hiện: Anh T và chị G có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 12/4/2010. Vợ chồng có 02 con chung tên Phan Minh B, sinh ngày 14/6/2005 và Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 15/5/2007, hiện 02 con đang sống với cha. Vợ chồng đã ly thân còn chuyện mâu thuẫn vợ chồng chính quyền địa phương không rõ.

Nguyện vọng của con chung: Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2022 và Tờ tự khai ngày 11/7/2022, cháu Phan Minh B và Phan Thị Mỹ K đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với cha.

Tại phiên tòa: Anh Phan Văn T vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Kim G vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Anh T được ly hôn với chị G. Về con chung: Giao 02 con chung

tên Phan Minh B, sinh ngày 14/6/2005 và Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 15/5/2007 cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Về án phí: Anh T yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây gọi tắt là HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Bị đơn chị Nguyễn Kim G cư trú tại ấp Trung Phú 3, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn. Tại phiên tòa lần thứ nhất chị Nguyễn Kim G vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa cho chị G. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị G vẫn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Phan Văn T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T chung sống với chị Nguyễn Kim G có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang vào ngày 12/4/2010. Do vậy, căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Sau khi kết hôn, anh T và chị G có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 6/2021, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng có cự cãi nhỏ nhưng chị G giận dữ và bỏ nhà đi làm ăn xa không chịu quay về, anh T đã nhiều lần liên hệ với chị G để vợ chồng hàn gắn nhưng vẫn không đạt kết quả. Vợ chồng đã ly thân từ đó và không còn quan tâm nhau. Lời trình bày của anh T phù hợp với kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh chị Gại chính quyền địa phương, bên cạnh đó trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị G vắng mặt không lý do và không có tờ tự khai hay văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của anh T. Do đó, căn cứ vào quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị G đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T đối với chị G.

[2.2] Về con chung: Qua chứng cứ anh T cung cấp cũng như kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại UBND xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thì anh Phan Văn T và chị Nguyễn Kim G có 02 con chung tên Phan Minh B, sinh ngày 14/6/2005 và Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 15/5/2007 (hiện đang sống với cha). Nhận thấy hai cháu B và Tiên đều có nguyện vọng được sống với cha, anh T đủ điều kiện trực tiếp nuôi con chung và cũng có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai con, bên cạnh đó trong quá trình giải quyết vụ án chị G không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của anh T về con chung. Do vậy, HĐXX áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao 02 con chung tên Phan Minh B, sinh ngày 14/6/2005 và Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 15/5/2007 cho anh Phan Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu thành niên (đủ 18 tuổi), tự lao động được là phù hợp và đảm bảo được các điều kiện tốt nhất cho sự phát triển về thể chất, tinh thần, việc học tập, môi trường sống của hai cháu; Anh T phải tạo điều kiện cho chị G được quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung, không ai được cản trở; Khi cần thiết chị G có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung:

[2.4.1] Về tài sản chung: Anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4.2] Về nợ chung: Anh T trình bày không có nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Kim G.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 12/4/2010 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Chánh, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Anh Phan Văn T được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Phan Minh B, sinh ngày 14/6/2005 và Phan Thị Mỹ K, sinh ngày 15/5/2007. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Kim G do anh Phan Văn T không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

- Về nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn T trình bày không có nên không đặt ra giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh Phan Văn T và chị Nguyễn Kim G phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009319 ngày 14/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Chị Nguyễn Kim G không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự;
Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật
thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Vĩnh Chánh, h. Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên